

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KHỐI 8
HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2023-2024

TT	Tên môn	Trang
1	Môn Toán	2
2	Môn Ngữ Văn	3
3	Môn Công nghệ	4
4	Môn Khoa học tự nhiên	18
5	Môn Giáo dục công dân	29
6	Môn Lịch sử - Địa lý	36
7	Môn Tiếng Anh	45
8	Môn Tin	46

Trung Sơn Trâm, ngày tháng 04 năm 2024
KÝ DUYỆT CỦA BGH

PHẦN I. ĐẠI SỐ

1. Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số.
 2. Phép cộng và phép trừ; Phép nhân và phép chia phân thức đại số.
 3. Giải phương trình bậc nhất một ẩn.
 4. Giải bài toán bằng cách lập phương trình
 5. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất
 6. Hệ số góc của đường thẳng
 7. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số.
- Các bài tập tổng hợp, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung trên.

PHẦN II. HÌNH HỌC

1. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác
 2. Định lí Pythagore và ứng dụng
 3. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông
 4. Hình đồng dạng
 5. Hình chóp tam giác đều, Hình chóp tứ giác đều.
- Các bài tập tổng hợp, bài toán thực tế liên quan đến các kiến thức đã học.

A. Phần đọc- hiểu:

- Đọc hiểu thơ tự do.

B. Phần Tiếng Việt

1. Thán từ
2. Thành phần biệt lập: Cảm thán, chêm xen, tình thái.

C. Phần viết

1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội
2. Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8

A. PHÂN MÔN HÓA HỌC

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Than (carbon) cháy trong bình khí oxygen nhanh hơn cháy trong không khí. Yếu tố nào ảnh hưởng đến tốc độ của phản ứng đốt cháy than?

- A. Nồng độ. B. Không khí. C. Vật liệu. D. Hóa chất.

Câu 2: Trong quá trình sản xuất sulfuric acid có giai đoạn tổng hợp sulfur trioxide (SO_3). Phản ứng xảy ra như sau: $2\text{SO}_2 + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{SO}_3$.

Khi có mặt vanadium(V) oxide thì phản ứng xảy ra nhanh hơn. Vanadium(V) oxide đóng vai trò gì trong phản ứng tổng hợp sulfur trioxide?

- A. Chất phản ứng. B. Sản phẩm
C. Chất xúc tác. D. Không đóng vai trò gì

Câu 3: Khi cho cùng một lượng nhôm vào cốc đựng dung dịch acid HCl 0,1M, tốc độ phản ứng sẽ lớn nhất khi dùng nhôm ở dạng nào sau đây ?

- A. Dạng viên nhỏ. B. Dạng bột mịn, khuấy đều.
C. Dạng tấm mỏng. D. Dạng nhôm dây.

Câu 4: Tốc độ phản ứng không phụ thuộc yếu tố nào sau đây.

- A. Thời gian xảy ra phản ứng.
B. Bề mặt tiếp xúc giữa các chất phản ứng.
C. Nồng độ các chất tham gia phản ứng.
D. Chất xúc tác.

Câu 5: Khi “bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh để giữ thực phẩm tươi lâu hơn” là đã tác động vào yếu tố gì để làm chậm tốc độ phản ứng?

- A. Nồng độ. B. Nhiệt độ. C. Nguyên liệu. D. Hóa chất.

Câu 6: So sánh tốc độ của 2 phản ứng sau (thực hiện ở cùng nhiệt độ, khối lượng Zn sử dụng là như nhau) .

Zn (bột) + dung dịch CuSO_4 1M (1)

Zn (hạt) + dung dịch CuSO_4 1M (2)

Kết quả thu được là .

- A. (1) nhanh hơn (2). B. (2) nhanh hơn (1).
C. như nhau. D. ban đầu như nhau, sau đó (2) nhanh hơn(1).

Câu 7: Dây gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

D. Lượng H_2 thoát ra từ Fe gấp 2 lần lượng H_2 thoát ra từ Zn.

Câu 15: Trong sơ đồ phản ứng sau: $M \xrightarrow{+HCl} N \xrightarrow{+NaOH} Cu(OH)_2$. M là:

- A. Cu. B. $Cu(NO_3)_2$. C. CuO. D. $CuSO_4$.

Câu 16: Thêm 20 g HCl vào 480 gam dung dịch HCl 5%, thu được dung dịch mới có nồng độ:

- A. 9,8%. B. 8,7%. C. 8,9%. D. 8,8%.

Câu 17: Hoà tan hết 3,6 g một kim loại hoá trị II bằng dung dịch H_2SO_4 loãng được 3,7185 lít H_2 (đkc). Kim loại là:

- A. Zn. B. Mg. C. Fe. D. Ca.

Câu 18: Cho 5,6 g Fe tác dụng với hydrochloric acid dư, sau phản ứng thể tích khí H_2 thu được (ở đkc) là

- A. 1,2395 lít. B. 2,479 lít. C. 12,395 lít. D. 24,79 lít.

Câu 19. Dãy các dung dịch base làm phenolphthalein hoá đỏ:

- A. NaOH; $Ca(OH)_2$; $Zn(OH)_2$; $Mg(OH)_2$
 B. NaOH; $Ca(OH)_2$; KOH; LiOH
 C. LiOH; $Ba(OH)_2$; KOH; $Al(OH)_3$
 D. LiOH; $Ba(OH)_2$; $Ca(OH)_2$; $Fe(OH)_3$

Câu 20. Nhóm các dung dịch có pH > 7 là:

- A. HCl, HNO_3 B. NaCl, KNO_3
 C. NaOH, $Ba(OH)_2$ D. Nước cất, nước muối

Câu 21. Base tan và không tan có tính chất hoá học chung là:

- A. Làm quỳ tím hoá xanh
 B. Tác dụng với oxit acid tạo thành muối và nước
 C. Tác dụng với acid tạo thành muối và nước
 D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit base và nước

Câu 22: Cho các bazơ sau: $Fe(OH)_3$, $Al(OH)_3$, $Cu(OH)_2$, $Zn(OH)_2$. Khi nung nóng các base trên tạo ra dãy oxit base tương ứng là:

- A. FeO, Al_2O_3 , CuO, ZnO B. Fe_2O_3 , Al_2O_3 , CuO, ZnO
 C. Fe_3O_4 , Al_2O_3 , CuO, ZnO D. Fe_2O_3 , Al_2O_3 , Cu_2O , ZnO

Câu 23: Nhiệt phân hoàn toàn 19,6g $Cu(OH)_2$ thu được một chất rắn màu đen, dùng khí H_2 dư khử chất rắn màu đen đó (theo phương trình:

$CuO + H_2 \xrightarrow{t^o} Cu + H_2O$) thu được một chất rắn màu đỏ có khối lượng là:

- A. 6,4 g B. 9,6 g C. 12,8 g D. 16 g

- A. Có kết tủa trắng xanh. B. Có khí thoát ra.
C. Có kết tủa đỏ nâu. D. Kết tủa màu trắng

Câu 25: Trong cơ thể người, pH của máu luôn được duy trì ổn định trong phạm vi hẹp khoảng:

- A. 7,25-7,35 B. 7,35-7,45 C. 7,45-7,55 D. 7,55-7,65

Câu 26: Ở một số khu vực, không khí bị ô nhiễm bởi các chất khí như SO_2 , NO_2 ,... sinh ra trong sản xuất công nghiệp và đốt cháy nhiên liệu. Các khí này có thể hòa tan vào nước và gây ra hiện tượng:

- A. Đất bị phèn, chua.
- B. Đất bị nhiễm mặn
- C. Mưa acid.
- D. Nước bị nhiễm kiềm

Câu 27: Thang pH được dùng để:

- A. biểu thị độ acid của dung dịch.
B. biểu thị độ base của dung dịch
C. biểu thị độ acid, base của dung dịch.
D. biểu thị độ mặn của dung dịch

Câu 28: Oxide là:

- A. Hỗn hợp của nguyên tố oxygen với một nguyên tố hoá học khác.
B. Hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hoá học khác.
C. Hợp chất của oxygen với một nguyên tố hoá học khác.
D. Hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hoá học khác.

Câu 29: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch acid là

- A. K_2O . B. CuO . C. P_2O_5 . D. CaO .

Câu 30: Chất khí nào sau đây là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính ?

- A. CO_2 B. O_2 C. N_2 D. H_2

Câu 31: Dãy chất sau đây chỉ gồm các oxide:

- A. MgO , $\text{Ba}(\text{OH})_2$, CaSO_4 , HCl .
B. MgO , CaO , CuO , FeO .
C. SO_2 , CO_2 , NaOH , CaSO_4 .
D. CaO , $\text{Ba}(\text{OH})_2$, MgSO_4 , BaO .

Câu 32: Cho 2,479 lit CO_2 (đkc) tác dụng với Ca(OH)_2 dư. Khối lượng chất kết tủa thu được là?

- A. 10 gam B. 20 gam C. 9,8 gam D. 19,8 gam

Câu 33: Dây oxide tác dụng với nước tạo ra dung dịch base kiềm:

- A. CuO , CaO , K_2O , Na_2O . B. CaO , Na_2O , K_2O , BaO .

C. Na_2O , BaO , CuO , MnO .

D. MgO , Fe_2O_3 , ZnO , PbO .

Câu 34: Một oxide của phosphorus có thành phần phần trăm của P bằng 43,66%. Biết khối lượng phân tử của oxide bằng 142amu. Công thức hoá học của oxide là:

A. P_2O_3 .

B. P_2O_5 .

C. PO_2 .

D. P_2O_4 .

Câu 35: Có 3 oxide màu trắng: MgO , Al_2O_3 , Na_2O . Có thể nhận biết được các chất đó bằng thuốc thử sau:

A. Chỉ dùng quì tím.

B. Chỉ dùng acid

C. Chỉ dùng phenolphthalein

D. Dùng nước

Câu 36: Hấp thụ hoàn toàn 2,479 lít khí CO_2 (đkc) vào dung dịch nước vôi trong có chứa 0,075 mol Ca(OH)_2 . Muối thu được sau phản ứng là:

A. CaCO_3 .

B. $\text{Ca(HCO}_3)_2$

C. CaCO_3 và $\text{Ca(HCO}_3)_2$

D. CaCO_3 và CaHCO_3 .

Câu 37: Hoà tan 23,5 g K_2O vào nước được 0,5 lít dung dịch A. Nồng độ mol của dung dịch A là:

A. 0,25M.

B. 0,5M

C. 1M.

D. 2M.

Câu 38: Oxide được dùng làm chất hút ẩm (chất làm khô) trong phòng thí nghiệm là:

A. CuO

B. ZnO

C. PbO

D. CaO

Câu 39: Oxide nào sau đây khi tác dụng với nước tạo ra dung dịch có pH > 7 ?

A. CO_2

B. SO_2

C. CaO

D. P_2O_5

Câu 40: Hòa tan 16 gam SO_3 trong nước thu được 250 ml dung dịch acid. Nồng độ mol dung dịch acid thu được là:

A. $C_{M(\text{H}_2\text{SO}_4)} = 0,2M$

B. $C_{M(\text{H}_2\text{SO}_4)} = 0,4M$

C. $C_{M(\text{H}_2\text{SO}_4)} = 0,6M$

D. $C_{M(\text{H}_2\text{SO}_4)} = 0,8M$

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Hoàn thành bảng sau:

STT	CTPT	Tên gọi	Phân loại
1	BaO		
2		Sulfur trioxide	
3	Fe_2O_3		
4	P_2O_5		

5		Hydrochloric acid	
6	HNO ₃		
7	H ₂ SO ₄		
8		Iron (II) hydroxide	
9	Ca(OH) ₂		
10	Cu(OH) ₂		

Bài 2: Điền công thức hóa học thích hợp vào chỗ trống trong các sơ đồ phản ứng sau và hoàn thành các PTHH.

- + O₂ $\xrightarrow{t^o}$ CuO
- + O₂ $\xrightarrow{t^o}$ P₂O₅
-+ HCl → MgCl₂ + H₂
- KOH +→ K₂SO₄ +.....
- NaOH +→ NaCl +.....
- Fe(OH)₃ $\xrightarrow{t^o}$ +.....

Bài 3: Viết các PTHH thực hiện những chuyển đổi hoá học theo sơ đồ sau:

- CaO $\xrightarrow{1}$ Ca(OH)₂ $\xrightarrow{2}$ CaCO₃ $\xrightarrow{3}$ CaO $\xrightarrow{4}$ CaCl₂
- Al $\xrightarrow{1}$ Al₂O₃ $\xrightarrow{2}$ AlCl₃ $\xrightarrow{3}$ Al(OH)₃ $\xrightarrow{4}$ Al₂O₃ $\xrightarrow{5}$ Al₂(SO₄)₃
- S $\xrightarrow{1}$ SO₂ $\xrightarrow{2}$ SO₃ $\xrightarrow{3}$ H₂SO₄ $\xrightarrow{4}$ Na₂SO₄

Bài 4: Biết 6,1975 lit CO₂ (đkc) tác dụng vừa hết với 400ml dung dịch Ca(OH)₂, sản phẩm là CaCO₃ và H₂O.

- Tính C_M của dd Ca(OH)₂ đã dùng.
- Tính khối lượng chất kết tủa thu được sau phản ứng.

Bài 5:

1. Hòa tan hoàn toàn 20g hỗn hợp 2 oxide là CuO và Fe₂O₃ cần vừa đủ 200 ml dd HCl 3,5M.

- Tính khối lượng của mỗi oxide trong hỗn hợp.
- Tính khối lượng của mỗi muối sinh ra sau phản ứng.

2. Hòa tan hoàn toàn 12,1g hỗn hợp 2 oxide là CuO và ZnO cần 100 ml dd HCl 3M.

- Tính khối lượng của mỗi oxit trong hỗn hợp.
- Tính khối lượng của mỗi muối sinh ra sau phản ứng.

B. PHÂN MÔN VẬT LÝ

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hiện tượng nào sau đây cho biết vật bị nhiễm điện?

- A. Thước nhựa hút mảnh giấy.
- B. Nam châm hút sắt.
- C. Trái Đất hút mọi vật.
- D. Bùn dính vào dép khi đi bộ.

Câu 2: Các thiết bị nào có tác dụng bảo vệ mạch điện?

- A. Cầu chì, cầu dao tự động, chuông điện.
- B. Cầu chì, cầu dao tự động, bóng đèn.
- C. Cầu chì, cầu dao tự động, role.
- D. Cầu chì, cầu dao tự động, bút thử điện.

Câu 3: Điền vào chỗ trống: "Cầu dao tự động cũng có tác dụng ngắt mạch như cầu chì, và được sử dụng để bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch khi dòng điện đột ngột ..."

- A. giảm quá mức.
- B. tăng quá mức.
- C. thay đổi liên tục.
- D. gia tăng công suất.

Câu 4: Vật nào sau đây là vật dẫn điện?

- A. Thanh thủy tinh
- B. Thanh gỗ khô
- C. Thanh sắt
- D. Thước nhựa

Câu 5: Đơn vị đo hiệu điện thế là

- A. mét
- B. ki lô gam
- C. Am pe
- D. Vôn

Câu 6: Trong mạch điện kín người ta quy ước chiều dòng điện có chiều

- A. đi ra từ cực âm và đi vào cực dương của nguồn điện.
- B. đi ra từ cực dương và đi vào cực âm của nguồn điện.
- C. đi ra từ cực âm.
- D. đi vào từ cực dương.

Câu 7: Có thể làm nhiễm điện cho một vật bằng cách

- A. cọ xát vật
- B. nhúng vật vào nước đá
- C. cho chạm vào nam châm
- D. nung nóng vật

Câu 8: Xe chạy một thời gian dài, sau khi xuống xe, sờ vào thành xe đôi lúc ta thấy như bị điện giật. Nguyên nhân là do đâu?

- A. Bộ phận điện của xe bị hỏng.
- B. Thành xe cọ sát với không khí nên xe bị nhiễm điện.

- C. Do một số vật dụng bằng điện gần đó đang hoạt động.
D. Do ngoài trời đang có cơn dông.

Câu 9: Khi chuyển động nhiệt của các phân tử cấu tạo nên vật nhanh lên thì đại lượng nào sau đây của vật **không** tăng?

- A. Nhiệt độ. B. Nhiệt năng. C. Khối lượng. D. Thể tích.

Câu 10: Cường độ dòng điện cho biết độ mạnh yếu của

- A. nguồn điện.
B. dòng điện.
C. thiết bị điện trong mạch.
D. thiết bị an toàn của mạch.

Câu 11: Dụng cụ nào sau đây **không** là một ứng dụng của đòn bẩy?

- A. Cái búa nhỏ đinh.
B. Cái kéo cắt giấy.
C. Cái bấm móng tay.
D. Cái cung tên.

Câu 12: Dụng cụ nào sau đây **không** phải là ứng dụng của đòn bẩy?

- A. Cái kéo. B. Cái kim. C. Cái cưa. D. Cái mở nút chai.

Câu 13: Nội năng của vật là

- A. tổng động năng và thế năng của các phân tử tạo nên vật.
B. hiệu động năng và thế năng của các phân tử tạo nên vật.
C. tổng cơ năng và động năng của các phân tử tạo nên vật.
D. hiệu cơ năng và động năng của các phân tử tạo nên vật.

Câu 14: Bản chất của sự dẫn nhiệt là

- A. sự truyền nhiệt độ từ vật này đến vật khác.
B. sự truyền nhiệt năng từ vật này đến vật khác.
C. sự thực hiện công từ vật này lên vật khác.
D. sự truyền động năng của các nguyên tử, phân tử này sang các nguyên tử, phân tử khác.

Câu 15: Khí, hơi nào sau đây trong không khí gây hiệu ứng nhà kính mạnh nhất?

- A. Khí nitrogen oxide (NO). B. Khí methane (CH₄).
C. Khí carbon dioxide (CO₂). D. Hơi nước (H₂O).

Câu 16: Ngăn đá của tủ lạnh thường đặt ở phía trên ngăn đựng thức ăn, để tận dụng sự truyền nhiệt bằng

- A. dẫn nhiệt.
B. bức xạ nhiệt.
C. đối lưu.
D. bức xạ nhiệt và dẫn nhiệt.

Câu 17: Năng lượng từ Mặt Trời truyền xuống Trái Đất bằng cách nào?

- A. Bằng sự đối lưu.
- B. Bằng dẫn nhiệt qua không khí.

C. Bằng bức xạ nhiệt.

D. Bằng một cách khác.

Câu 18: Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. Đốt rừng để lấy đất canh tác.

B. Hoạt động của nhà máy nhiệt điện chạy bằng lò hơi đốt bằng than đá.

C. Sự phân huỷ của các đồng rác ở ngoài trời.

D. Cả ba hiện tượng trên.

Câu 19: Dẫn nhiệt là hình thức truyền nhiệt chủ yếu của

A. chất rắn.

B. chất khí và chất lỏng.

C. chất khí.

D. chất lỏng.

Câu 20: Điền vào chỗ trống: "Dòng điện là dòng các hạt ...(1)... dịch chuyển ...(2)..."

A. (1) electron; (2) có hướng.

B. (1) electron; (2) tự do.

C. (1) mang điện; (2) có hướng.

D. (1) mang điện; (2) tự do.

II. TỰ LUẬN

Bài 1:

a) Thế nào là vật dẫn điện, vật cách điện? Cho 5 ví dụ mỗi loại.

b) Nêu các tác dụng của dòng điện. Cho 5 ví dụ mỗi tác dụng.

Bài 2:

a) Tại sao bụi lại bám nhiều vào mép cánh quạt sau một thời gian sử dụng?

b) Đổi đơn vị cho các giá trị sau đây:

2,5 V =mV; 6 kV = V.

110 V =kV; 1200 mV = V.

0,35 A =mA; 425 mA = A

1,28 A = mA; 32 mA = A.

Bài 3:

a) Vẽ sơ đồ mạch điện gồm nguồn điện, khóa K, bóng đèn và ampe kế mắc nối tiếp với bóng đèn, biến trở mắc nối tiếp.

b) Vẽ sơ đồ gồm nguồn điện, khóa K, bóng đèn và ampe kế mắc nối tiếp với bóng đèn, Vôn kế mắc song song với bóng đèn.

Bài 4:

a) Tại sao hòa tan đường trong nước nóng nhanh hơn trong nước lạnh?

b) Mở lọ nước hoa trong lớp học. Sau vài giây cả lớp đều ngửi thấy mùi nước hoa. Hãy giải thích tại sao?

Bài 5:

a) Phích nước là dụng cụ dùng để giữ nước nóng, có hai lớp thủy tinh. Giữa hai lớp thủy tinh là chân không. Hai mặt đối diện của hai lớp thủy tinh thường được tráng bạc. Phích có nút đậy kín. Hãy phân tích tác dụng của các bộ phận sau đây của phích: lớp chân không, hai mặt thủy tinh tráng bạc, nút.

b) Tại sao các bể chứa xăng lại thường được quét một lớp nhũ màu tráng bạc?

C. PHÂN MÔN SINH HỌC

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hãy lựa chọn đáp án đúng về khái niệm Môi trường sống?

A. Môi trường sống là nơi sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố xung quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chúng.

B. Môi trường sống là nơi sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố xung quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chúng.

C. Môi trường sống là nơi sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố xung quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến sự tồn tại và phát triển của chúng.

D. Môi trường sống là nơi sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố xung quanh sinh vật, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của chúng.

Câu 2. Các loại môi trường sống chủ yếu của sinh vật là:

A. môi trường trên cạn, môi trường nước, môi trường khí quyển, môi trường sinh vật

B. môi trường trên cạn, môi trường nước, môi trường trong đất, môi trường sinh vật.

C. môi trường mặt đất và khí quyển.

D. môi trường đất, nước ngọt, nước mặn, khí quyển.

Câu 3. Các nhân tố sinh thái vô sinh gồm có:

- A. nấm, gỗ mục, ánh sáng, độ ẩm.
- B. gỗ mục, ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm.
- C. vi khuẩn, nấm, thực vật, động vật.
- D. ánh sáng, nhiệt độ, gỗ mục, cây gỗ.

Câu 4. Giới hạn sinh thái là gì?

- A. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với các nhân tố sinh thái khác nhau.
- B. Là khoảng thuận lợi của một nhân tố sinh thái đảm bảo cơ thể sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.
- C. Là khoảng tác động có lợi nhất của nhân tố sinh thái đối với cơ thể sinh vật.
- D. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.

Câu 5. Quần thể sinh vật là gì?

- A. Là tập hợp những cá thể cùng loài, sống trong một khoảng không gian xác định, tại một thời điểm nhất định, có khả năng sinh sản để tạo thành những thế hệ mới.
- B. Là tập hợp những cá thể cùng loài, giống nhau về hình thái, cấu tạo; có thể giao phối tự do với nhau.
- C. Là tập hợp những cá thể khác loài nhưng có cùng khu phân bố.
- D. Là tập hợp những cá thể cùng loài, có mật độ, thành phần kiểu gen đặc trưng.

Câu 6. Các cá thể trong quần thể sinh vật được phân chia làm các nhóm tuổi nào?

- A. Nhóm tuổi ấu trùng, giai đoạn sinh trưởng và trưởng thành.
- B. Nhóm tuổi trẻ, trưởng thành và già.
- C. Nhóm tuổi trước giao phối và sau giao phối.
- D. Nhóm tuổi trước sinh sản, sinh sản và sau sinh sản.

Câu 7. Dấu hiệu **không** phải là đặc trưng của quần thể sinh vật đó là:

- A. Mật độ cá thể trong quần thể.
- B. Độ đa dạng loài.
- C. Kích thước quần thể.
- D. Tỷ lệ giới tính và nhóm tuổi.

Câu 8. Mật độ cá thể trong quần thể sinh vật là:

- A. Số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị thể tích.

- B. Số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích.
- C. Số lượng cá thể trên một đơn vị diện tích hay thể tích.
- D. Số lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích.

Câu 9. Xác định tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể sinh vật?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.
- B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc gia Tam Đảo.
- C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới.
- D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 10. Quần xã sinh vật là gì?

- A. Là tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định.
- B. Là tập hợp các sinh vật cùng loài cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định.
- C. Là tập hợp các cá thể sinh vật khác loài.
- D. Là tập hợp toàn bộ các sinh vật trong tự nhiên.

Câu 11. Quần xã sinh vật có những dấu hiệu điển hình nào?

- A. độ đa dạng và thành phần loài trong quần xã.
- B. Số lượng các loài trong quần xã.
- C. Thành phần loài trong quần xã.
- D. Số lượng các cá thể của từng loài trong quần xã.

Câu 12. Độ đa dạng của quần xã sinh vật được thể hiện ở yếu tố nào?

- A. Số lượng cá thể của mỗi loài trong quần xã.
- B. Mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã.
- C. Sự khác nhau về lứa tuổi của các cá thể trong quần xã.
- D. A và B đúng.

Câu 13. Điểm giống nhau giữa quần thể sinh vật và quần xã sinh vật là:

- A. Tập hợp nhiều quần thể sinh vật.
- B. Gồm các sinh vật trong cùng một loài.
- C. Tập hợp nhiều cá thể sinh vật.
- D. Gồm các sinh vật khác loài.

Câu 14. Trong các hệ sinh thái trên cạn, loài ưu thế thường thuộc về giới nào?

- | | |
|-----------------------------|-------------------|
| A. Giới động vật. | B. Giới nấm. |
| C. Giới nhân sơ (vi khuẩn). | D. Giới thực vật. |

Câu 15. Hệ sinh thái nào sau đây là hệ sinh thái tự nhiên?

- A. Rừng nhiệt đới. B. Cánh đồng.
C. Bể cá cảnh. D. Công viên.

Câu 16. Một hệ sinh thái hoàn chỉnh sẽ có các thành phần chủ yếu nào?

- A. Các thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.
B. Các thành phần vô sinh, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.
C. Các thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật phân giải.
D. Các thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ.

Câu 17. Hãy chọn câu trả lời đúng về trật tự của các dạng sinh vật trong một chuỗi thức ăn?

- A. Sinh vật sản xuất → Sinh vật tiêu thụ → Sinh vật phân giải
B. Sinh vật phân giải → Sinh vật tiêu thụ → Sinh vật sản xuất
C. Sinh vật tiêu thụ → Sinh vật sản xuất → Sinh vật phân giải
D. Sinh vật phân giải → Sinh vật sản xuất → Sinh vật tiêu thụ.

Câu 18. Sông và suối được thuộc khu sinh học nào dưới đây?

- A. Khu sinh học biển. B. Khu sinh học trên cạn.
C. Khu sinh học nước ngọt. D. Khu sinh học nước mặn.

Câu 19. Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng với

- A. các nhân tố hữu sinh của môi trường. B. các loài sinh vật sản xuất.
C. các nhân tố vô sinh của môi trường. D. các loài sinh vật tiêu thụ.

Câu 20. Thứ tự của các khu sinh học trên cạn từ vùng cực đến vùng nhiệt đới là:

- A. đồng rêu hàn đới, rừng lá kim phương bắc, rừng ôn đới, rừng mưa nhiệt đới.
B. đồng rêu hàn đới, rừng ôn đới, rừng mưa nhiệt đới, rừng lá kim phương bắc.
C. rừng mưa nhiệt đới, rừng lá kim phương bắc, đồng rêu hàn đới, rừng ôn đới.
D. rừng mưa nhiệt đới, rừng lá kim phương bắc, rừng ôn đới, đồng rêu hàn đới.

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Xác định các thông tin còn thiếu trong Bảng 41.3. Từ đó vẽ sơ đồ mô tả giới hạn sinh thái của các loài sinh vật đó.

STT		Loài A	Loài B
1	Giới hạn sinh thái	Độ ẩm: 35–80%	?
2	Điểm gây chết dưới	?	Nhiệt độ: 0°C
3	Điểm gây chết trên	?	Nhiệt độ: 38°C
4	Khoảng chống chịu	?	Nhiệt độ: 0 –15; 25–38°C
5	Khoảng thuận lợi	Độ ẩm: 50 –65%	?

Bài 2: Căn cứ vào các số liệu trong Bảng 42.2, hãy xác định tên các kiểu hình tháp tuổi của ba quần thể côn trùng. Vẽ sơ đồ cấu trúc thành phần nhóm tuổi của các quần thể đó.

STT	Thành phần nhóm tuổi	Quần thể A	Quần thể B	Quần thể c
1	Tuổi trước sinh sản	7 345	8 372	3 456
2	Tuổi sinh sản	6 855	5 481	7 541
3	Tuổi sau sinh sản	3714	2 267	6 743
	Tổng	17914	16 120	17 740

Bài 3. Ở một xã miền núi, người ta chuyển một phần diện tích rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác. Phân tích Bảng sau, hãy nhận xét về sự thay đổi độ đa dạng của quần xã khi có sự chuyển đổi này.

Bảng. Số loài thực vật trong một số quần xã

STT	Tên quần xã	Số loài
1	Rừng trồng keo	157
2	Nương rẫy	89
3	Rừng tự nhiên	889
4	Trang trại nông lâm kết hợp	299

Bài 4.

a. Hệ sinh thái là gì ? Lấy ví dụ về 1 hệ sinh thái và phân tích các thành phần cấu trúc của hệ sinh thái đó.

b. Viết các chuỗi thức ăn có thể có trong hệ sinh thái trên.

Bài 5.

a. Vẽ sơ đồ vòng tuần hoàn các chất và dòng năng lượng trong hệ sinh thái.

b. Trong hệ sinh thái, khi năng lượng truyền qua các bậc dinh dưỡng sẽ tăng lên hay giảm xuống?

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ 8

PHÂN MÔN: ĐỊA LÝ

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu 1: Để bảo vệ môi trường biển đảo cần?

- A. Xây dựng cơ chế chính sách, luật bảo vệ môi trường biển đảo
- B. Áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ để kiểm soát và xử lý vấn đề môi trường biển đảo;
- C. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và cải thiện môi trường biển đảo...
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2. Biển Đông là cầu nối giữa hai đại dương

- A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương
- B. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương
- D. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương

Câu 3: Đường bờ biển nước ta có chiều dài?

- A. 2360km.
- B. 2036km.
- C. 3206km.
- D. 3260km.

Câu 4: Những hành động mà em có thể làm để góp phần bảo vệ môi trường biển đảo là?

- A. Tham gia các hoạt động làm sạch bờ biển, giữ gìn môi trường sinh thái,... nhằm giảm thiểu sự suy thoái, ô nhiễm môi trường biển và trên các đảo
- B. Đấu tranh với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển đảo trái với quy định của pháp luật
- C. Rèn luyện kỹ năng để thích ứng với các thiên tai và sự cố xảy ra trong vùng biển đảo
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5: Địa hình các-xtơ khá phổ biến, có những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long là đặc điểm của địa hình nào?

- | | |
|------------------------|------------------------|
| A. Vùng núi Tây Bắc | B. Vùng núi Đông Bắc |
| C. Vùng Trường Sơn Bắc | D. Vùng Trường Sơn Nam |

Câu 6: Địa hình các-xtơ khá phổ biến, có những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long là đặc điểm của địa hình nào?

- | | |
|------------------------|------------------------|
| A. Vùng núi Tây Bắc | B. Vùng núi Đông Bắc |
| C. Vùng Trường Sơn Bắc | D. Vùng Trường Sơn Nam |

Câu 7. Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là:

- A. Tây – Đông và hướng vòng cung.
- B. Hướng Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung.
- C. Hướng Đông Bắc – Tây Nam và hướng vòng cung.
- D. Hướng Đông Nam – Tây Bắc và hướng vòng cung.

Câu 8. Chế độ nước của sông ngòi nước ta có hai mùa rõ rệt là do nguyên nhân:

- A. Chế độ mưa theo mùa.
- B. Lãnh thổ trải dài từ Bắc vào Nam.
- C. Địa hình đa dạng, phức tạp.
- D. Sông ngòi nước ta thường ngắn và dốc.

Câu 9. Sinh vật nước ta phong phú và đa dạng là do:

- A. Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm.
- B. Vị trí tiếp xúc của các luồng sinh vật.
- C. Không bị băng hà tiêu diệt.
- D. Tất cả các nhân tố trên.

Câu 10. Dựa vào Atlat hoặc bản đồ địa hình, cho biết dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng tây bắc - đông nam ở nước ta là:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| A. Hoàng Liên Sơn. | B. Trường Sơn Bắc. |
| C. Pu Đen Đinh | D. Ngân Sơn |

Câu 11. Các sông nào sau đây không chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam?

- A. Sông Thu Bồn, sông Đại.
- B. Sông Mã, sông Cả.
- C. Sông Hồng, sông Đà.
- D. Sông Tiền, sông Hậu.

Câu 12: Đâu là đặc điểm của Tính chất ẩm?

- A. Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1500 - 2000 mm/năm. Độ ẩm không khí > 80%.
- B. Nhiệt độ trung bình năm cao > 21 độ C
- C. Một năm có 2 mùa gió: gió mùa đông: lạnh, khô; gió mùa hạ: nóng, ẩm.
- D. Độ ẩm không khí > 80%.

Câu 13: Đâu là đặc điểm của Tính chất gió mùa?

- A. Một năm có 2 mùa gió: gió mùa đông: lạnh, khô; gió mùa hạ: nóng, ẩm.
- B. Nhiệt độ trung bình năm cao > 21 độ C
- C. Bình quân 1m² lãnh thổ nhận được trên 1 triệu kilo calo nhiệt năng
- D. Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1500 - 2000 mm/năm.

Câu 14: Tính chất nhiệt đới thể hiện ở?

- A. Nhiệt độ trung bình năm cao > 21 độ C
- B. Bình quân 1m² lãnh thổ nhận được trên 1 triệu kilo calo nhiệt năng
- C. Số giờ nắng đạt từ 1400 - 3000 giờ/ năm
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 15: Hành động cụ thể em có thể làm để ứng phó với biến đổi khí hậu là?

- A. Tham gia ngày vì môi trường do trường học hoặc xã/phường/thị trấn tổ chức
- B. Tiết kiệm điện, nước... trong sinh hoạt hàng ngày
- C. Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hạn chế dùng than, rơm rạ, đốt rác...
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 16: Đặc điểm của tài nguyên sinh vật nước ta:

- A. Tài nguyên sinh vật nước ta khá nghèo nàn.
- B. Tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú đa dạng, đây là tài nguyên vô tận.
- C. Tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú đa dạng, nên không cần phải bảo vệ.
- D. Tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú đa dạng nhưng không là tài nguyên vô tận.

Câu 17: Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm tài nguyên động vật của nước ta

- A. Các loài động vật tự triệt tiêu nhau.
- B. Do các loài sinh vật tự chết đi.
- C. Do con người săn bắt quá mức, thu hẹp môi trường sống của sinh vật.
- D. Do các loài di cư sang các khu vực khác trên thế giới.

Câu 18: Nguồn tài nguyên nước ta phong phú, đa dạng và có khả năng:

- A. Phục hồi và phát triển.
- B. Giảm sút và không thể phục hồi.
- C. Tái tạo nhưng ít có giá trị về kinh tế.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 19: Có bao nhiêu điểm đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa Việt Nam và Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ.?

- | | |
|------------------|------------------|
| A. 20 điểm đường | B. 23 điểm đường |
| C. 22 điểm đường | D. 21 điểm đường |

Câu 20: Nội thủy là?

- A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển
- B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 21: Lãnh hải là?

A. Đáy biển và lòng đất dưới đáy biển

B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

D. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

Câu 22: Vùng tiếp giáp lãnh hải là?

A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển

B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 23: Vùng đặc quyền kinh tế là?

A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển

B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

C. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 24: Thềm lục địa Việt Nam là?

A. Vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển

B. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

C. Đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

D. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam

Câu 25: Nguyên nhân chủ yếu làm ô nhiễm môi trường biển – đảo của nước ta hiện nay là do

A. Khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản.

B. Hoạt động công nghiệp, sinh hoạt của con người.

C. Khai thác dầu khí ở thềm lục địa.

D. Hoạt động du lịch.

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Giải thích vì sao nước ta có tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng?

Câu 2: Nêu khái quát về phạm vi Biển Đông và các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông

Câu 3: Trình bày các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam năm 2012. Nêu các khái niệm liên quan đến các vùng biển của Việt Nam.

Câu 4: Theo em, chúng ta cần phải làm gì để khai thác lâu bền và bảo vệ tốt môi trường biển của nước ta?

Câu 5: Cho bảng số liệu sau:

Bảng 1. Diện tích rừng tự nhiên của Việt Nam giai đoạn 1943 – 2020

Năm	1943	1983	2020
Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	14,3	6,8	10,3

1. Hãy tính tỉ lệ (%) che phủ rừng so với diện tích đất liền (diện tích đất liền làm tròn là 33 triệu ha).

2. Vẽ biểu đồ tỉ lệ che phủ rừng ở nước ta qua các năm trên.

3. Nhận xét về xu hướng biến động của diện tích rừng nước ta và cho biết nguyên nhân.

PHÂN MÔN: LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước ý trả lời đúng nhất.

Câu 1: Năm 1905, Tôn Trung Sơn lấy tư tưởng Tam dân làm cương lĩnh thành lập ?

- A. Trung Quốc Liên minh hội B. Trung Quốc Hiệp ước hội
- C. Trung Quốc Đồng minh hội D. Đáp án khác.

Câu 2: Trước hành động xâm nhập và từng bước xâm lược của thực dân phương Tây, nhân dân các nước Đông Nam Á và Ấn Độ có thái độ?

- A. Tỏ ra nhún nhường, cam chịu
- B. Thể hiện hòa chí, đầu hàng
- C. Liên tục nổi dậy đấu tranh nhằm giành lại nền độc lập
- D. Đáp án khác

Câu 3. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỷ XIX là mâu thuẫn giữa:

- A. Nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh
- B. Nhân dân Ấn Độ với thực dân Pháp
- C. Nhân dân Ấn Độ với thực dân Tây Ban Nha
- D. Nhân dân Ấn Độ với thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 4: Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam những năm 60 của thế kỷ XIX như thế nào?

- A. Kinh tế, xã hội khủng hoảng nghiêm trọng.
- B. Nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đình trệ.
- C. Tài chính cạn kiệt, nhân dân đói khổ.
- D. Mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc gay gắt.

Câu 5: Năm 1858, khi xâm lược thực dân Pháp đã tấn công nơi nào đầu tiên tại Việt Nam?

- A. Huế. B. Gia Định C. Hà Nội D. Đà Nẵng

Câu 6: Ai là người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883- 1892)?

- A. Tôn Thất Thuyết. B. Nguyễn Thiện Thuật.
C. Phan Đình Phùng. D. Cao Thắng.

Câu 7: Mục tiêu chủ yếu của cuộc khởi nghĩa Yên Thế là...

- A. bảo vệ cuộc sống tự do.
B. giữ đất, giữ làng.
C. bảo vệ độc lập dân tộc.
D. giữ đất giữ làng, bảo vệ cuộc sống tự do.

Câu 8. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp được tiến hành ở Việt Nam trong khoảng thời gian nào?

- A. 1895 - 1918 B. 1896 - 1914
C. 1897 - 1914 D. 1898 – 1918

Câu 9. “*Bình Tây Đại Nguyên soái*” được nhân dân phong cho:

- A. Trương Định. B. Nguyễn Tri Phương
C. Nguyễn Trung Trực. D. Hoàng Diệu.

Câu 10. Nhiều người đã dùng thơ văn để chiến đấu chống giặc là ai?

- A. Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Trị,...
B. Nguyễn Đình Chiểu, Trương Quyền, Phan Văn Trị,..
C. Nguyễn Đình Chiểu, Phan Tồn, Phan Liêm,...
D. Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân,...

Câu 11. Sau hiệp ước Nhâm Tuất, triều đình đã có hành động gì?

- A. Tập trung lực lượng đàn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Trung và Bắc Kỳ.
B. Lãnh đạo nhân dân tổ chức kháng chiến.
C. Kiên quyết đòi Pháp trả lại các tỉnh đã chiếm đóng.

D. Hòa hoãn với Pháp để chống lại nhân dân.

Câu 12. Câu nói “Bao giờ người tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” là của ai?

A. Trương Định

B. Trương Quyền

C. Nguyễn Trung Trực

D. Nguyễn Tri Phương

Câu 13. Thực dân Pháp lấy cớ gì để tấn công Bắc Kỳ lần thứ hai?

A. Triều đình không dẹp nổi các cuộc khởi nghĩa của nhân dân.

B. Triều đình không bồi thường chiến phí cho Pháp.

C. Trả thù sự tấn công của quân cờ đen.

D. Triều đình vi phạm Hiệp ước 1874, giao thiệp với nhà Thanh.

Câu 14. Trước sự thất thủ của thành Hà Nội, triều đình Huế có thái độ như thế nào?

A. Cho quân tiếp viện.

B. Cầu cứu nhà Thanh.

C. Cầu cứu nhà Thanh, cử người thương thuyết với Pháp.

D. Thương thuyết với Pháp.

Câu 15. Hiệp ước nào là mốc chấm dứt sự tồn tại của triều đại phong kiến nhà Nguyễn với tư cách là một quốc gia độc lập ?

A. Hiệp ước Nhâm Tuất (1862)

B. Hiệp ước Giáp Tuất (1874)

C. Hiệp ước Hác - măng (1883)

D. Hiệp ước Pa-tơ-nôt (1884)

Câu 16. Sau thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai (19-5-1883), thực dân Pháp có dã tâm gì?

A. Xâm chiếm toàn bộ Việt Nam

B. Cho quân rút khỏi Hà Nội để bảo toàn lực lượng.

C. Tăng viện binh từ Pháp sang để chiếm toàn Hà Nội.

D. Tiến hành đàn áp, khủng bố nhân dân ta.

Câu 17. Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế, đại diện là những ai mạnh tay hành động chống Pháp?

- A. Nguyễn Trường Tộ, Phan Thanh Giản.
- B. Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường.
- C. Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi.
- D. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Đức Nhuận.

Câu 18. Phong trào yêu nước chống xâm lược đã dâng lên sôi nổi, kéo dài từ năm 1885 đến cuối thế kỉ XIX được gọi là:

- A. Phong trào nông dân.
- B. Phong trào nông dân Yên Thế.
- C. Phong trào Cần Vương.
- D. Phong trào Duy Tân.

Câu 19. Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương là cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Ba Đình 1886-1887.
- B. Khởi nghĩa Bãi Sậy 1883 – 1892.
- C. Cuộc phản công của phái chủ Chiến ở kinh thành Huế 1885.
- D. Khởi nghĩa Hương Khê 1885 – 1895.

Câu 20. Nhận xét nào về phong trào Cần vương là không đúng?

- A. Phong trào quy mô lớn, mang tính dân tộc.
- B. Quyết liệt, theo ý thức hệ tư sản.
- C. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng và ý thức hệ phong kiến.
- D. Phong trào dân tộc, đã đạt được nhiều thắng lợi.

Câu 21. Mục tiêu của phong trào yêu nước Cần vương là gì?

- A. Lật đổ chế độ phong kiến, giành độc lập dân tộc.
- B. Đánh đế quốc, giành lại độc lập dân tộc, khôi phục lại chế độ phong kiến.
- C. Đánh đổ phong kiến, đế quốc giành độc lập.
- D. Đánh đế quốc thành lập nước cộng hòa.

Câu 22. Sự kiện nào đánh dấu sự chấm dứt của phong trào Cần vương ở Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX?

- A. Khởi nghĩa Hương Khê thất bại.
- B. Khởi nghĩa nông dân Yên Thế thất bại.

C. Vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt.

D. Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Câu 23. Vì sao cuộc khởi nghĩa Yên Thế được xem là cuộc khởi nghĩa nông dân?

A. Cuộc khởi nghĩa có nông dân tham gia dưới sự chỉ huy của văn thân sĩ phu.

B. Cuộc khởi nghĩa mà mục tiêu chủ yếu là đòi ruộng đất cho nông dân

C. Cuộc khởi nghĩa mà lực lượng tham gia chủ yếu là nông dân.

D. Cuộc khởi nghĩa mà lãnh đạo và lực lượng tham gia khởi nghĩa đều là nông dân.

Câu 24. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê là ai?

A. Phạm Bành, Đinh Công Tráng.

B. Đinh Công Tráng, Phan Đình Phùng.

C. Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

D. Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng.

Câu 25. Người khởi xướng phong trào Đông du(1905- 1909) là:

A. Phan Bội Châu.

B. Phan Châu Trinh.

C. Lương Văn Can.

D. Huỳnh Thúc Kháng.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Nhà Nguyễn được thành lập và cũng có quyền thống trị như thế nào?

Câu 2: Em hãy cho biết nguyên nhân bùng nổ phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX? Theo em, cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương? Tại sao?

Câu 3: Phân tích những tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam trên lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục?

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nhân vật nào dưới đây đã có hành vi bạo lực gia đình?

- A. Bố mẹ A rất yêu thương, quan tâm đến việc học hành của B.
- B. Chị M luôn kính trọng, yêu thương và quan tâm tới bố mẹ.
- C. Bạn T luôn yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ em gái.
- D. Anh H ép chị X sinh bằng được con trai để “nối dõi tông đường”.

Câu 2: Hành vi ngược đãi, đánh đập làm tổn thương tới sức khỏe, tính mạng của thành viên gia đình - đó là biểu hiện cụ thể của hình thức bạo lực gia đình nào sau đây?

- A. Bạo lực về thể chất.
- B. Bạo lực về tinh thần.
- C. Bạo lực về kinh tế.
- D. Bạo lực về tình dục.

Câu 3. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng hậu quả của bạo lực gia đình?

- A. Gây thương tích về thân thể đối với những người bị bạo lực.
- B. Là nguyên nhân duy nhất khiến hạnh phúc gia đình tan vỡ.
- C. Gây ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình và trật tự xã hội.
- D. Làm tổn thương về tinh thần đối với những người bị bạo lực.

Câu 4. Ý kiến nào dưới đây đúng khi bàn về vấn đề bạo lực gia đình?

- A. Bạo lực gia đình chỉ gây nên đau đớn về thể xác cho nạn nhân.
- B. Người có hành vi bạo lực gia đình không vi phạm về pháp luật.
- C. Bạo lực gia đình đã và đang gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng.
- D. Chống bạo lực gia đình là trách nhiệm riêng của lực lượng công an.

Câu 5. Để phòng tránh bạo lực gia đình, chúng ta nên thực hiện hành động nào sau đây?

- A. Tôn trọng, chia sẻ, yêu thương các thành viên trong gia đình.
- B. Dùng lời nói và thái độ tiêu cực để tỏ thái độ thách thức.
- C. Nhờ người khác can thiệp bằng các biện pháp tiêu cực.
- D. Tỏ thái độ tiêu cực, ở lại nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực.

Câu 6. Khi xảy ra bạo lực gia đình, chúng ta không nên thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Kiểm chế cảm xúc tiêu cực.
- B. Chủ động tìm người giúp đỡ.
- C. Sử dụng bạo lực để đáp trả.
- D. Kiểm chế lời nói tiêu cực.

Câu 7. Để xử lý hậu quả của bạo lực gia đình, chúng ta nên thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Thông báo sự việc với người thân, giải quyết bằng biện pháp tích cực.
- B. Giấu giếm, bao che cho những hành vi bạo lực gia đình.
- C. Tự mình giải quyết bằng những suy nghĩ tiêu cực.
- D. Cam chịu, nín nhịn để không làm người thân trong gia đình buồn.

Câu 8. Hành vi của bạn T trong tình huống sau đây thuộc hình thức bạo lực gia đình nào?

Tình huống. T là anh trai họ của K nhưng khi được bố mẹ K nhờ trông K thì bạn T đã bắt nạt, đánh K khiến K bị bầm tím chân tay.

- A. Bạo lực về thể chất.
- B. Bạo lực về tinh thần.
- C. Bạo lực về tài chính.
- D. Bạo lực về tình dục.

Câu 9: Chủ thể nào dưới đây đã có cách ứng xử tích cực, phù hợp để phòng chống bạo lực gia đình?

- A. Thường xuyên bị chồng đánh đập, hành hạ nhưng chị H vẫn nín nhịn.
- B. Chị C thường tỏ thái độ và lời nói tiêu cực khi hai vợ chồng tranh luận.
- C. Chị K nhờ anh trai tới nhà để đánh lại chồng vì đã mắng nhiếc mình.
- D. Thấy bố tức giận, C vội sang nhà hàng xóm để đợi bố bình tĩnh trở lại.

Câu 10. Việc lập kế hoạch chi tiêu cá nhân không mang lại ý nghĩa nào sau đây?

- A. Cân bằng được tài chính.
- B. Chi tiêu những khoản không cần thiết.
- C. Thực hiện được tiết kiệm.
- D. Tạo dựng cuộc sống ổn định, ấm no.

Câu 11. Thói quen chi tiêu nào dưới đây là hợp lý?

- A. Chỉ mua những thứ thực sự cần thiết và trong khả năng chi trả.
- B. Mua tất cả mọi thứ mà mình thích, không quan tâm đến giá cả.
- C. Chỉ chọn mua những đồ có chất lượng thấp và giá cả rẻ nhất.
- D. Chỉ chọn mua những hàng hóa đắt tiền và chất lượng tốt nhất.

Câu 12. Thói quen chi tiêu nào dưới đây không hợp lý?

- A. Xác định thứ tự ưu tiên những thứ cần mua.
- B. Chỉ chi tiêu cho những việc thực sự cần thiết.
- C. Chỉ chọn mua những đồ giá rẻ, chất lượng thấp.
- D. Liệt kê những thứ cần mua trước khi đi mua sắm.

Câu 13. Ý kiến nào dưới đây không đúng khi bàn về vấn đề lập kế hoạch chi tiêu?

- A. Các thói quen chi tiêu hợp lý sẽ giúp chúng ta đạt được mục tiêu tài chính.
- B. Lập kế hoạch chi tiêu mất thời gian và tạo ra sự khó chịu khi sử dụng tiền.
- C. Lập kế hoạch chi tiêu giúp ta tránh được các khoản chi tiêu không hợp lý.
- D. Mỗi cá nhân đều cần rèn luyện để tạo hình thành thói quen chi tiêu hợp lý.

Câu 14. Vì sao mỗi người cần lập kế hoạch chi tiêu?

- A. Giúp cân bằng được tài chính.
- B. Tránh những khoản chi không cần thiết
- C. Thực hiện mục tiêu tiết kiệm
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 15: Đặt kì vọng quá lớn vào con trai, bố mẹ bạn A bắt con học quá nhiều, không có thời gian nghỉ ngơi, khiến bạn bị trầm cảm. Theo em, hành vi của bố mẹ bạn A thuộc hình thức bạo lực gia đình nào?

- A. Bạo lực về tinh thần.
- B. Bạo lực về thể chất.
- C. Bạo lực về tình dục.
- D. Bạo lực về tài chính.

Câu 16: Có mấy hình thức bạo lực gia đình?

- A.2
- B.3
- C.4
- D.5

Câu 17: Chúng ta không nên thực hiện hành vi nào sau đây khi xảy ra bạo lực gia đình?

- A. Kiểm chế lời nói tiêu cực.
- B. Sử dụng bạo lực để đáp trả.
- C. Kiểm chế cảm xúc tiêu cực.
- D. Chủ động tìm người giúp đỡ.

Câu 18: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong khái niệm sau đây:

“..... là việc xác định các khoản chi tiêu dựa trên những nguồn lực hiện có để thực hiện những mục tiêu tài chính của cá nhân, gia đình”.

A. Kế hoạch chi tiêu.

B. Quản lý tiền hiệu quả.

C. Kế hoạch tài chính.

D. Mục tiêu tài chính.

Câu 19: Để lập kế hoạch chi tiêu, chúng ta cần thực hiện bao nhiêu bước?

A. 4 bước.

B. 5 bước.

C. 6 bước.

D. 7 bước

Câu 20: Để xử lý hậu quả của bạo lực gia đình, chúng ta **không nên** thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Thông báo sự việc với người thân.

B. Giấu giếm, bao che cho đối phương.

C. Nhờ sự trợ giúp từ cơ sở tư vấn tâm lý.

D. Giải quyết bằng biện pháp tích cực.

Câu 21. Tình huống nào dưới đây thể hiện thói quen chi tiêu hợp lý?

A. Bạn C đưa tiền lì xì cho bố mẹ để đóng học, mua đồ dùng học tập.

B. Bạn M dùng tiền lì xì để mua máy chơi điện tử

C. Bạn N dùng hết số tiền lì xì đi chợ tiêu xài hết trong buổi chợ

D. Bạn T dùng hết số tiền lì xì để mua đồ dùng không cần thiết.

Câu 22. Ý kiến nào dưới đây đúng khi bàn về vấn đề lập kế hoạch chi tiêu?

A. Lập kế hoạch chi tiêu mất thời gian.

B. Lập kế hoạch chi tiêu tạo ra sự khó chịu khi sử dụng tiền.

C. Lập kế hoạch chi tiêu giúp ta tránh được các khoản chi tiêu không hợp lý.

D. Lập kế hoạch chi tiêu sẽ tạo thói quen xấu về việc sử dụng đồng tiền.

Câu 23. Khi quyết định mua hàng, chúng ta cần

A. Tìm mua thứ đắt nhất để có hàng chất lượng tốt nhất.

B. Mua theo ý thích, không cần tìm hiểu

C. Khảo giá và chất lượng của những loại đồ muốn mua ở vài chỗ khác nhau.

D. Tìm cửa hàng bán rẻ nhất để mua không quan tâm đến chất lượng sản phẩm.

Câu 24. Hành động nào sau đây không thực hiện đúng quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại?

A. Sử dụng súng tự chế

B. Cưa mìn để lấy thuốc nổ

C. Dùng dao để đánh nhau

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 25. Thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột là

A. Các chất thải

B. Các chất cháy nổ

C. Các chất độc hại

D. Vũ khí

Câu 26. Khi phát hiện có người bán pháo nổ trong trường học của mình, em sẽ làm gì?

A. rủ bạn bè cùng mua

B. không quan tâm

C. báo cho thầy cô giáo trong trường

D. tham gia buôn bán cùng

Câu 27. Tai nạn vũ khí, cháy nổ, chất độc hại có thể gây ra những hậu quả gì?

A. Con người tàn phế, mất khả năng lao động

B. Mất trật tự công cộng

C. Thiệt hại về kinh tế

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 28. Khi có tai nạn cháy nổ ta nên gọi số khẩn cấp là

A. 111

B. 112

C. 113

D. 114

Câu 29. Cơ quan, tổ chức nào được phép nghiên cứu, sản xuất, mua bán, sửa chữa vũ khí?

A. mọi công dân

B. Các cơ quan nhà nước

C. Các tổ chức phản động

D. Các cơ quan thuộc bộ quốc phòng và bộ công an

Câu 30. Đối tượng được phép trang bị vũ khí thô sơ khi làm nhiệm vụ là

A. bộ đội

B. công an

C. kiểm lâm

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 31: Hành vi ngược đãi, đánh đập làm tổn thương tới sức khỏe, tính mạng của thành viên gia đình thuộc hình thức bạo lực gia đình nào?

A. Bạo lực về thể chất

B. Bạo lực về tinh thần.

C. Bạo lực về kinh tế

D. Bạo lực về tình dục.

Câu 32 : Hành vi nào sau đây là biểu hiện của bạo lực về tinh thần?

A. Mỗi khi làm sai, bạn N lại bị bố đánh.

B. Chị L ngăn cản chồng cũ không được đến thăm con.

C. Mặc dù mới 13 tuổi, bạn S đã bị bố bắt đi làm thuê kiếm tiền.

D. Anh D ép buộc vợ mình sinh thêm con thứ 3.

Câu 33: Việc chi tiêu tùy tiện dẫn đến điều gì?

A. Cuộc sống thiếu ổn định

B. Gia đình ấm no.

C. Tạo thói quen chi tiêu hợp lí.

D. Biết lập kế hoạch chi tiêu

Câu 34: Đâu không phải là câu ca dao, tục ngữ, châm ngôn về sự hòa thuận và hạnh phúc gia đình?

A. Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn.

B. Chị ngã em nâng/ Anh em như thể chân tay

C. Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần

D. Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy

Câu 35. Câu nào dưới đây có nội dung thể hiện sự chi tiêu hợp lí?

A. Vung tay quá trán

B. Cơm thừa gạo thiếu

C. Liệu cơm gắp mắm

D. Kiếm củi ba năm thiêu một giờ

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Em hãy xử lí các tình huống sau

a. Cuối tuần, Đoàn thanh niên xã tổ chức hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về phòng cháy, chữa cháy cho học sinh. Bạn A xin phép được tham gia nhưng bố mẹ không đồng ý vì cho rằng đó không phải là hoạt động học tập, tốn thời gian. Nếu là bạn A em sẽ làm gì để thuyết phục bố mẹ?

b. Bạn T thấy chú của mình thường phun thuốc trừ sâu cho rau nhưng ngay ngày hôm sau đã đem rau đó đi bán. Nếu là T, em sẽ nói gì với chú mình?

c. Gia đình bạn A không khá giả nhưng bạn A thường xuyên vay mượn và nợ tiền của các bạn khác trong lớp để mua đồ ăn vặt hoặc đặt trên mạng các món đồ mà bạn thích. Trong trường hợp này, em sẽ khuyên bạn A như thế nào?

Câu 2. Em đồng tình hay không đồng tình với cách xử lí nào dưới đây? Vì sao?

a. Thường xuyên bị chồng đánh đập nhưng chị A vẫn nín nhịn vì sợ người ngoài cười chê.

- b. Biết bố đang rất tức giận, bạn X vội vàng chạy sang nhà hàng xóm để đợi bố bình tĩnh lại
- c. Ông C mở quán ăn, ông đã sử dụng hóa chất để làm sạch các đồ ăn từ nội tạng động vật.

Câu 3. Em được bố mẹ cho 200 000 nghìn đồng để chi tiêu cá nhân trong một tháng. Em hãy lập kế hoạch chi tiêu khoản tiền đó.

MÔN CÔNG NGHỆ 8

I. TRẮC NGHIỆM :

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1: Nguồn điện trong mạch điện có vai trò

- A. Cung cấp năng lượng điện cho mạch điện hoạt động
- B. Đóng cắt nguồn điện
- C. Bảo vệ mạch điện khi bị quá tải hoặc ngắn mạch
- D. Truyền tải điện năng

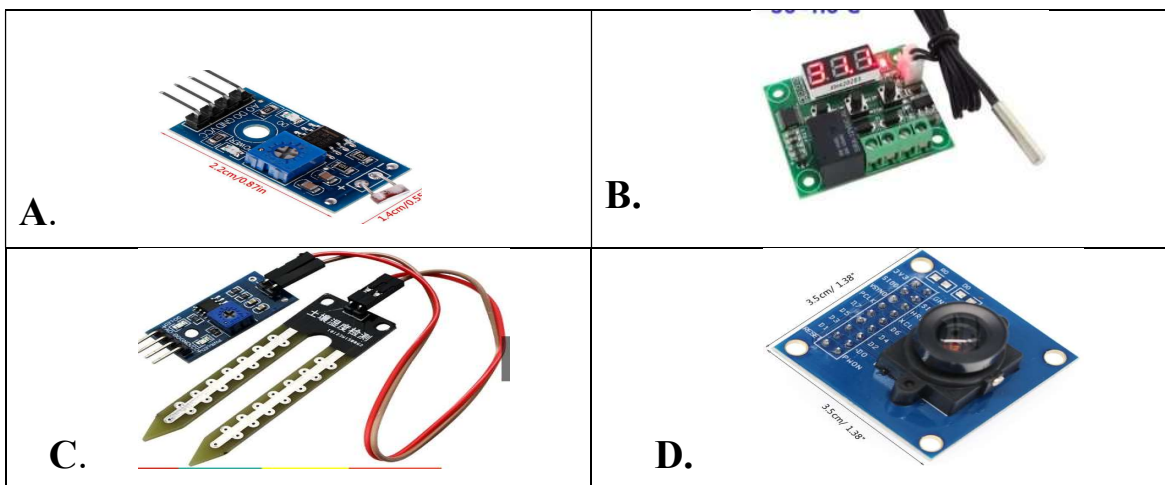
Câu 2: Cảm biến là

- A. Thiết bị cảm nhận vật lí, hoá học, sinh học...
- B. Thiết bị cảm nhận và biến đổi đại lượng vật lí, hoá học, sinh học... cần đo như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng...
- C. Thiết bị biến đổi vật lí, hoá học, sinh học...
- D. Thiết bị phát ra ánh sáng

Câu 3: Nguồn điện cấp cho mô đun cảm biến hoạt động trong mạch điện thường là

- A. Nguồn điện một chiều 12V
- B. Nguồn điện xoay chiều 120V
- C. Nguồn điện xoay chiều 250V
- D. Nguồn điện một chiều 50V

Câu 4: Lựa chọn đâu là mô đun cảm biến nhiệt độ



Câu 5: Lựa chọn một trong những nội dung trong bước “Vận hành mạch điện” điều khiển cảm biến ánh sáng

- A. Kiểm tra mạch điện theo chức năng: thay đổi nhiệt độ tác động vào cảm

biến nhiệt độ sẽ điều khiển tự động bật hoặc tắt quạt điện

B. Kiểm tra mạch điện theo chức năng: cài đặt nhiệt độ giới hạn bằng cách sử dụng các nút tăng hoặc giảm trên mô đun

C. Kiểm tra mạch điện theo chức năng: thay đổi độ ẩm vào cảm biến độ ẩm, mạch điện sẽ tự động bật hoặc tắt máy bơm

D. Kiểm tra mạch điện theo chức năng: Thay đổi nguồn sáng chiếu vào cảm biến ánh sáng, mạch điện tự động tắt đèn LED khi trời sáng hoặc bật sáng đèn LED khi trời tối

Câu 6: Lựa chọn chức năng của cầu chì trong mạch điện điều khiển

A. Cung cấp năng lượng cho mạch điện hoạt động

B. Đóng hoặc ngắt mạch điện

C. Bảo vệ mạch điện khi xảy ra quá tải hoặc ngắn mạch

D. Truyền tải điện năng

Câu 7: Nghề nào sau đây thuộc lĩnh vực kĩ thuật điện

A. Giáo viên

B. Kĩ sư điện

C. Kĩ sư nông nghiệp

D. Kĩ thuật viên siêu âm

Câu 8: Đặc điểm của thợ “Lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện”

A. Tiến hành nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chỉ đạo xây dựng và vận hành hệ thống điện, linh kiện, động cơ và thiết bị...

B. Thực hiện các nhiệm vụ kĩ thuật để hỗ trợ nghiên cứu kĩ thuật điện và thiết kế, sản xuất, lắp ráp, xây dựng, vận hành, bảo trì và sửa chữa thiết bị điện, cơ sở và hệ thống phân phối

C. Lắp ráp bảo trì hệ thống dây điện, máy móc điện, các thiết bị điện, đường dây và dây cáp cung cấp và truyền tải điện năng

D. Tiến hành nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chỉ đạo xây dựng giao thông

Câu 9: Lựa chọn nghề “Kĩ sư điện” thực hiện công việc nào dưới đây

A. Sửa, chữa nhà

B. Sửa, chữa xe đạp

C. Sửa, chữa tàu thuyền

D. Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chỉ đạo xây dựng và vận hành hệ thống điện, linh kiện, động cơ và thiết bị; tư vấn và chỉ đạo vận hành bảo trì và

sửa chữa...

Câu 10: Mục đích của thiết kế kỹ thuật là

- A. Là hoạt động tìm ra ý tưởng giải quyết vấn đề trong cuộc sống và sản xuất
- B. Là hoạt động tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề trong cuộc sống và sản xuất
- C. Là hoạt động sáng tạo nhằm tìm kiếm những ý tưởng và giải pháp, thể hiện dưới dạng hồ sơ kỹ thuật để tạo ra sản phẩm, dịch vụ giúp đáp ứng nhu cầu của con người, giải quyết vấn đề trong cuộc sống và sản xuất
- D. Là hoạt động tìm ra phương pháp giải quyết vấn đề trong cuộc sống và sản xuất

Câu 11: Công dụng của máy khâu

- A. Được sử dụng để may vải và các vật liệu khác nhau bằng chỉ
- B. Được sử dụng để may áo mưa
- C. Được sử dụng để may giày
- D. Được sử dụng để may túi xách



Câu 12: Tiến trình về thiết kế kỹ thuật gồm

- A. 2 bước
- B. 3 bước
- C. 4 bước
- D. 5 bước

Câu 13: Lựa chọn một trong những nội dung để xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng của 1 chiếc ghế ngồi bằng nhựa

- A. Thời gian
- B. Độ bền
- C. Số lượng
- D. Kích thước

Câu 14: Lựa chọn nội dung của bước thử nghiệm, đánh giá trong thiết kế kỹ thuật

- A. Đo các thông số kỹ thuật, so sánh các tiêu chí đã đặt ra cho sản phẩm
- B. Xác định vấn đề, mô tả cụ thể tình huống thực tế
- C. Tìm hiểu tổng quan thông tin khoa học liên quan đến sản phẩm tương tự có trên thị trường
- D. Lập hồ sơ kỹ thuật cho sản phẩm thiết kế

Câu 15. Quy trình lắp ráp một mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô

đun cảm biến gồm mấy bước?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 16. Đâu không phải loại mô đun thường được sử dụng trong mạch điều khiển đơn giản?

- A. Mô đun cảm biến ánh sáng. B. Mô đun cảm biến tự động.
C. Mô đun cảm biến nhiệt độ. D. Mô đun cảm biến độ ẩm.

Câu 17. Quạt tự động bật khi trời nóng và tắt khi trời mát sử dụng mô đun cảm biến nào?

- A. Mô đun cảm biến ánh sáng. B. Mô đun cảm biến độ ẩm.
C. Mô đun cảm biến nhiệt độ. D. Mô đun cảm biến hồng ngoại.

Câu 18. Ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kĩ thuật điện là

- A. kĩ sư cơ khí.
B. thợ vận hành máy công cụ.
C. thợ lắp đặt và sửa chữa đường dây điện.
D. nhà thiết kế đồ họa.

Câu 19. Môi trường làm việc của thợ lắp đặt và sửa chữa đường dây điện là

- A. các công ty truyền tải điện, công ty phân phối điện, công ty xây lắp điện.
B. viện nghiên cứu, công ty tư vấn thiết kế, công ty sản xuất thiết bị điện.
C. các nhà máy sản xuất, các công ty lắp đặt và sửa chữa điện.
D. các trung tâm bảo hành, sửa chữa.

Câu 20. Công việc của kĩ sư xây dựng là

- A. thiết kế các chi tiết máy móc, công cụ cho sản xuất.
B. thiết kế trạm điện, hệ thống phát điện.
C. thiết kế mạch, hệ thống điện tử.
D. thiết kế công trình dân dụng.

Câu 21. Hoạt động thiết kế kĩ thuật có mấy vai trò chủ yếu?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 22. Ngành nghề thuộc lĩnh vực thiết kế là

- A, giáo viên. B. bác sĩ. C. kĩ sư xây dựng. D. nhà thơ.

Câu 23. Vì sao nói thiết kế kỹ thuật có vai trò quan trọng trong phát triển sản phẩm?

- A. Thiết kế kỹ thuật phát triển sản phẩm đã có nhằm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong sản xuất và đời sống.
- B. Thiết kế kỹ thuật thường tạo ra các sản phẩm chức năng mới, giúp tăng cường tuổi thọ của con người.
- C. Phần lớn người làm về thiết kế kỹ thuật là nữ giới, giúp thay đổi định kiến về giới trong mắt mọi người.
- D. Người làm trong ngành thiết kế kỹ thuật thường có mức lương cơ bản cao, giúp nâng cao điều kiện sống.

Câu 24. Có mấy bước trong quy trình thiết kế kỹ thuật?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 25. Bước cuối cùng của thiết kế kỹ thuật là

- A. hình thành ý tưởng thiết kế
- B. lập hồ sơ kỹ thuật.
- C. tiến hành thiết kế.
- D. đánh giá phương án thiết kế.

Câu 26. Hoạt động thiết kế kỹ thuật không bao gồm bước nào sau đây?

- A. Xác định yêu cầu và lựa chọn giải pháp.
- B. Tìm kiếm nguồn tài trợ.
- C. Đánh giá và hiệu chỉnh.
- D. Lập hồ sơ kỹ thuật.

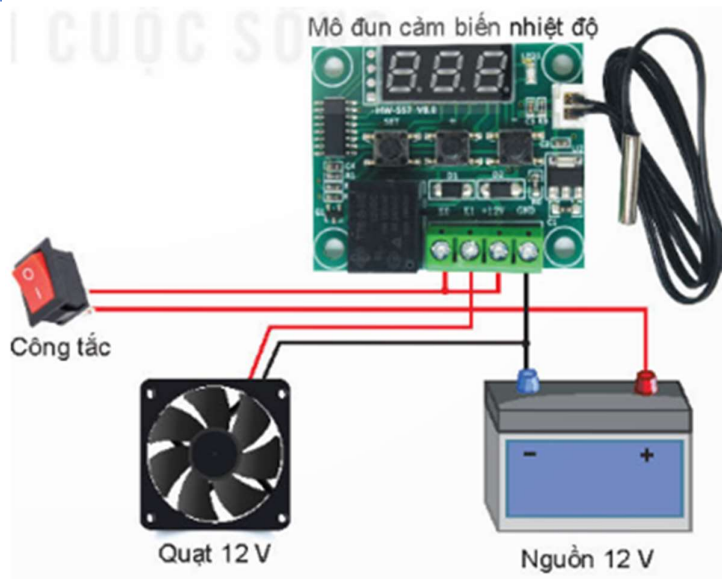
Câu 27. Quy trình lắp ráp một mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến gồm mấy bước?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 28. Nội dung thực hiện ở bước tìm hiểu sơ đồ mạch điện là

- A. chuẩn bị dụng cụ, vật liệu và thiết bị theo sơ đồ mạch điện.
- B. xác định thành phần chính và đầu nối của mạch điện.
- C. xác định vị trí cổng đầu vào, cổng ra của mô đun.
- D. cấp nguồn, kiểm tra hoạt động của mạch điện; đánh giá và điều chỉnh.

Câu 29. Ở bước nào cần yêu cầu cấp nguồn và kiểm tra hoạt động của mạch điện?



- A. Tìm hiểu sơ đồ mạch điện. B. Chuẩn bị.
C. Lắp ráp mạch điện. D. Vận hành mạch điện.

Câu 30. Chức năng của mạch điều khiển là

- A. đèn tự động sáng khi trời tối và tự động tắt khi trời sáng.
B. quạt tự động bật/tắt khi nhiệt độ thấp/cao hơn một giá trị nhất định.
C. động cơ bơm nước hoạt động/dừng hoạt động khi độ ẩm thấp/cao.
D. đèn tự động sáng khi có người lại gần và tự động tối khi ra xa.

Câu 31. Mạch điện điều khiển trên câu 29 sử dụng mô đun cảm biến gì?

- A. Cảm biến ánh sáng. B. Cảm biến nhiệt độ.
C. Cảm biến độ ẩm. D. Cảm biến hồng ngoại.

Câu 32 Mô đun cảm biến trên câu 29 có thể được sử dụng trong

- A. bút thử điện. B. máy bơm nước.
C. tủ lạnh. D. đèn hành lang.

Câu 33. Bạn A muốn lắp mạch điện điều khiển điều hòa tự động, A có thể dùng mô đun

- A. cảm biến ánh sáng. B. cảm biến nhiệt độ.
C. cảm biến độ ẩm. D. cảm biến hồng ngoại.

Câu 34. Đâu không phải yếu tố để nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kĩ thuật điện?

- A. Phẩm chất của người làm trong lĩnh vực kĩ thuật điện.

- B. Năng lực cụ thể của ngành nghề.
- C. Phẩm chất và năng lực cụ thể của ngành nghề.
- D. Trình độ học vấn của người làm trong lĩnh vực kĩ thuật điện.

Câu 35. Đây là nghề cụ thể của kĩ thuật viên kĩ thuật điện?

- A. Kĩ sư cơ điện.
- B. Kĩ sư điện tử.
- C. Kĩ thuật viên truyền tải điện.
- D. Kĩ sư sản xuất điện.

Câu 36. Yêu cầu "Có trình độ chuyên môn bậc trung tương ứng với trình độ trung cấp hoặc cao đẳng" là yêu cầu của ngành nghề nào trong lĩnh vực cơ khí?

- A. Kĩ sư điện.
- B. Kĩ thuật viên kĩ thuật điện.
- C. thợ sửa chữa.
- D. thợ lắp đặt và sửa chữa thiết bị điện.

Câu 37. Bạn B có kiến thức chuyên môn liên quan đến kĩ thuật điện, điện tử. Như vậy, B đã đáp ứng yêu cầu về

- A. kiến thức chuyên môn.
- B. kĩ năng cập nhật kiến thức chuyên môn.
- C. kĩ năng phân tích, tổng hợp số liệu.
- D. kĩ năng tư duy sáng tạo.

Câu 38. Công việc của kĩ sư xây dựng là

- A. thiết kế các chi tiết máy móc, công cụ cho sản xuất.
- B. thiết kế trạm điện, hệ thống phát điện.
- C. thiết kế mạch, hệ thống điện tử.
- D. thiết kế công trình dân dụng.

Câu 39. Đây là nhiệm vụ cụ thể của kĩ sư vũ trụ hàng không?

- A. Tư vấn và thiết kế các công trình như cầu, đập, bến cảng, đường bộ, sân bay, đường sắt, kênh, đường ống, hệ thống xử lí chất thải và kiểm soát lũ, công nghiệp và các toà nhà lớn khác.
- B. Thiết kế hệ thống chi tiết trong máy bay như hệ thống phun nhiên liệu, điều hòa, thiết bị hạ cánh,...
- C. Tư vấn, thiết kế máy móc, công cụ cho sản xuất, khai thác, xây dựng, nông nghiệp và các mục đích công nghiệp khác.

D. Nghiên cứu và phân tích không gian, chức năng, hiệu quả, an toàn và yêu cầu thẩm mỹ.

Câu 40. Kết quả của hoạt động thiết kế kĩ thuật không bao gồm

- A. kĩ thuật mới trong chế tạo sản phẩm kĩ thuật.
- B. giải pháp, sản phẩm công nghệ.
- C. sản phẩm kĩ thuật
- D. sản phẩm sinh học.

Câu 41. Tại sao lại nói thiết kế kĩ thuật có vai trò phát triển công nghệ?

- A. Qua thiết kế kĩ thuật, các sản phẩm mới lần lượt được tạo ra để giải quyết những vấn đề, đáp ứng nhu cầu mới, các sản phẩm cũ liên tục được cải tiến.
- B. Thiết kế kĩ thuật tìm kiếm những ý tưởng, giải pháp, thể hiện dưới dạng hồ sơ kĩ thuật để tạo ra sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu con người và giải quyết vấn đề trong cuộc sống.
- C. Thiết kế kĩ thuật tạo ra hay nâng cấp các quy trình, bí quyết công nghệ để thực hiện công việc ngày càng hiệu quả hơn.
- D. Thiết kế kĩ thuật là một hoạt động sáng tạo, liên quan đến ngành nghề trong nhiều lĩnh vực.

Câu 42. Khi xây dựng tiêu chí, tiêu chí cần đạt của sản phẩm không thể hiện qua

- A. chức năng.
- B. giá thành.
- C. tính thẩm mỹ.
- D. nhà phân phối.

Câu 43. Nếu kiểm chứng giải pháp không đạt thì cần phải

- A. thử nghiệm, đánh giá.
- B. xây dựng nguyên mẫu cho giải pháp.
- C. điều chỉnh thiết kế.
- D. lập hồ sơ kĩ thuật.

Câu 44. Trong quá trình thiết kế, một số hoạt động được lặp đi lặp lại cho tới khi

- A. thực hiện đủ 10 lần.
- B. đạt kết quả mong muốn.
- C. cấp trên chấp nhận.
- D. ai đó đã làm được trước mình.

Câu 45. Làm thế nào để đánh giá sản phẩm sau khi thiết kế?

- A. Tiến hành chế tạo nguyên mẫu hoặc dùng phần mềm mô phỏng hoạt động dựa theo bản thiết kế.
- B. Đưa sản phẩm ra thị trường và khảo sát số lượng tiêu thụ sản phẩm.
- C. Khảo sát ý kiến người tiêu dùng.
- D. Khảo sát giá thành sản phẩm.

II. PHẦN TỰ LUẬN :

Câu 1 (2,0 điểm): Bạn Nam là một người có tính hay quên, bạn muốn lắp 1 bóng điện thấp sáng ở cổng, vậy em hãy tư vấn cho bạn nên lắp loại cảm biến nào để khi trời sáng đèn tắt, khi trời tối đèn sáng và gia đình tiết kiệm được điện năng. Vẽ sơ đồ khối của mạch điện.

Câu 2 (1,0 điểm): Bạn An về quê muốn lắp hệ thống tự động tưới cây để cây không bị chết trong ngày đi vắng. Vậy em hãy tư vấn cho bạn nên dùng loại mô đun cảm biến nào? Lựa chọn các dụng cụ cơ bản để lắp được mạch điện đó.

Câu 3 (3,0 điểm): Kể tên một số ngành nghề chính liên quan tới thiết kế kĩ thuật?

Câu 4 (2,5 điểm): Phân tích các bước cơ bản trong thiết kế kĩ thuật?

Câu 5 (0,5điểm): Quan sát hình và xác định vị trí cổng đầu vào nguồn cấp và cổng đầu ra điều khiển của mô đun cảm biến ánh sáng.



I. Vocabulary**- Lexical items are related to these topics:**

Unit 7: Environment protection

Unit 8: Shopping

Unit 9: Natural disasters

Unit 10: Communication in the future

Unit 11: Science and technology

II. Pronunciation

- Sounds: /b/ and /k/

- Sounds: /sp/ and /st/

- Stress in the words ending in *-al* and *-ous*

- Stress in words ending in *-ese* and *-ee*

III. Grammar

- Complex sentences with adverb clauses of time.

- Adverbs of frequency

- Past continuous

- Prepositions of place and time

- Possessive pronouns

- Reported speech (statements)

V. Writing

- Writing a paragraph about the advantages or disadvantages of a type of shopping.

- Writing an opinion paragraph about whether robots will replace teachers at school.

VI. Practice

- Exercises in the text book.

MÔN TIN HỌC 8

Câu 1. Header là phần nào của văn bản?

- A. Phần bên trái.
- B. Phần bên phải.
- C. Phần trên cùng.
- D. Phần dưới cùng.

Câu 2. Để thay đổi bố cục của trang chiếu, ta thực hiện các bước như thế nào?

- A. Design/ Layout.
- B. Home/ Layout.
- C. Insert/ Layout.
- D. View/ Layout.

Câu 3. Để đánh số trang, thêm đầu trang, chân trang vào các trang chiếu, ta thực hiện các bước như thế nào?

- A. Insert/ Action.
- B. Insert/ Comment.
- C. Insert/ Object.
- D. Insert/ Slide Number.

Câu 4. Footer là phần nào của văn bản?

- A. Phần bên trái.
- B. Phần bên phải.
- C. Phần trên cùng.
- D. Phần dưới cùng.

Câu 5. Mẫu định dạng là:

- A. Một tập hợp màu sắc, cỡ chữ và hiệu ứng hình ảnh được xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất, chuyên nghiệp.
- B. Một tập hợp màu sắc, phông chữ và hiệu ứng hình ảnh được xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất, chuyên nghiệp.
- C. Một tập hợp màu sắc, phông chữ và hiệu ứng âm thanh được xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất, chuyên nghiệp.
- D. Một tập hợp màu chữ, phông chữ và hiệu ứng hình ảnh được xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất, chuyên nghiệp.

Câu 6. Để tạo hiệu ứng cho các đối tượng trên trang chiếu, chọn:

- A. Animations.
- B. Transitions.
- C. Design.
- D. Slide Show.

Câu 7. Để xóa phần chân trang của văn bản, ta thực hiện các bước như thế nào?

- A. Home /Footer /Remove Footer.

B. Home /Page Number/ Remove Page Numbers.

C. Insert/ Footer/ Remove Footer.

D. Insert/ Page Number/ Remove Page Numbers.

Câu 8. Để tạo hiệu ứng chuyển trang chiếu, chọn:

A. Design. B. Review. C. Animations. D. Transitions.

Câu 9. Bản mẫu được lưu dưới dạng một tệp có phần mở rộng là:

A. .pptx. B. .potx. C. .pot. D. .odp.

Câu 10. Phương án nào sau đây mô tả các bước sử dụng bản mẫu?

A. Design/Themes, chọn bản mẫu. B. Design/Variants, chọn bản mẫu.
C. Design/Text, chọn bản mẫu. D. File/New, chọn bản mẫu.

Câu 11. Các bước đánh số trang vào vị trí bên phải, bên dưới trang văn bản là:

A. Insert / Page Number /Top of Page/Plain Number 3.
B. Insert / Page Number/ Middle of Page/Plain Number 3.
C. Insert / Page Number /Center of Page/Plain Number 3.
D. Insert / Page Number /Bottom of Page/Plain Number 3.

Câu 12. Kịch bản điều khiển một nhân vật có thể được mô tả dưới dạng:

A. Thuật toán. B. Văn bản. C. Video. D. Hình ảnh.

Câu 13: Các bước của thuật toán thực hiện tuần tự như thế nào?

A. Từ trên xuống B. Từ dưới lên
C. Do người viết quy định D. Tất cả đều sai

Câu 14. Có bao nhiêu cấu trúc điều khiển trong môi trường lập trình trực quan?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 15. Ý nghĩa của hình  trong sơ đồ khối là:

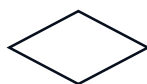
A. Bắt đầu/Kết thúc chương trình. B. Điều kiện rẽ nhánh.
C. Xử lý/Tính toán/Gán. D. Trả về giá trị.

Câu 16. Ý nghĩa của hình  trong sơ đồ khối là:

A. Bắt đầu/Kết thúc chương trình. B. Điều kiện rẽ nhánh.

C. Xử lý/Tính toán/Gán.

D. Trả về giá trị.

Câu 17. Ý nghĩa của hình**trong sơ đồ khối là:**

A. Bắt đầu/Kết thúc chương trình.

B. Điều kiện rẽ nhánh.

C. Xử lý/Tính toán/Gán.

D. Trả về giá trị.

Câu 18. Thuật toán so sánh hai giá trị có thể được mô tả dưới dạng:

A. Cấu trúc dữ liệu.

B. Cấu trúc lặp.

C. Cấu trúc tuần tự.

D. Cấu trúc rẽ nhánh.

Câu 19. Trong chương trình Scratch, nhóm lệnh nào dùng để tạo biểu thức?

A. Nhóm lệnh Các biến số.

B. Nhóm lệnh Các phép toán.

C. Nhóm lệnh Hiển thị.

D. Nhóm lệnh Sự kiện.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây sai?

A. Trong ngôn ngữ lập trình Scratch, “Developer” là dữ liệu thuộc kiểu chuỗi ký tự.

B. Trong ngôn ngữ lập trình Scratch, kiểu dữ liệu logic có hai giá trị là true và false.

C. Trong ngôn ngữ lập trình Scratch, các phép toán so sánh cho kết quả là giá trị thuộc kiểu dữ liệu chuỗi ký tự.

D. Trong ngôn ngữ lập trình Scratch, 2024 là dữ liệu thuộc kiểu số.

Câu 21. Cấu trúc lặp có mấy dạng?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 22. Có mấy cách mô tả thuật toán?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 23. Chương trình là:

A. Sơ đồ khối mô tả một thuật toán.

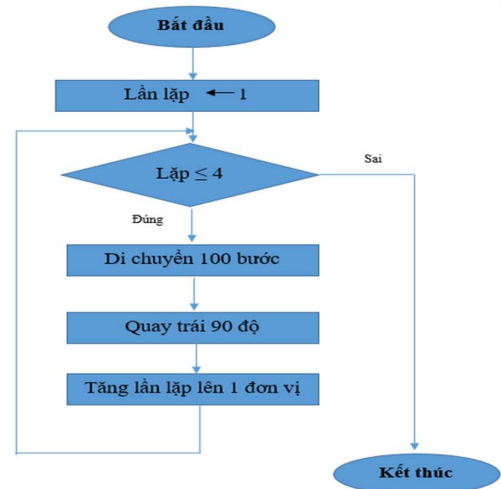
B. Dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán.

C. Một dãy các chỉ dẫn rõ ràng, có trình tự.

D. Ngôn ngữ lập trình.

Câu 24: Sơ đồ khối trong hình 1 thực hiện công việc gì ?

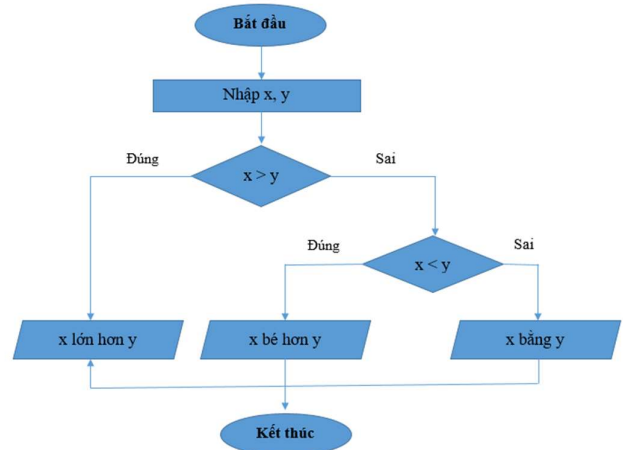
- A. Điều khiển nhân vật đi theo hình vuông.
 B. Điều khiển nhân vật đi theo hình ngũ giác đều.
 C. Điều khiển nhân vật đi theo hình cầu thang.
 D. Điều khiển nhân vật đi theo hình ngôi sao.



Hình 1

Câu 25: Sơ đồ khối trong hình 2 mô tả thuật toán nào ?

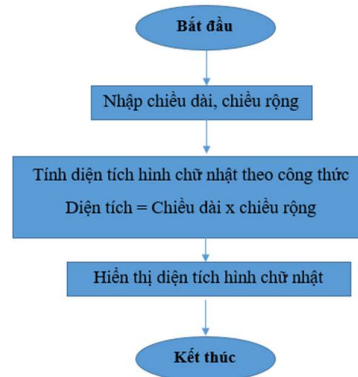
- A. Giải phương trình bậc nhất.
 B. So sánh hai số x, y
 C. Tính tổng hai số x, y
 D. Tính tích hai số x, y



Hình 2

Câu 26: Sơ đồ thuật toán như hình 2 cho biết thuật toán giải quyết nhiệm vụ gì?

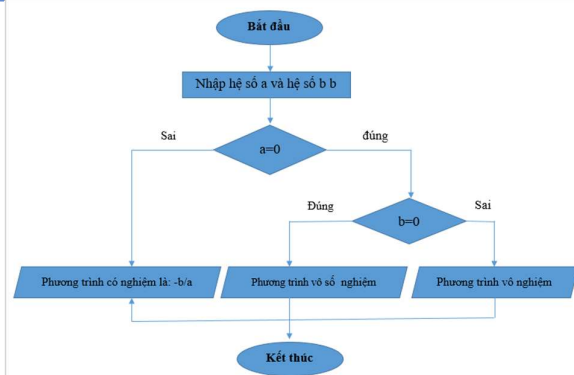
- A. Hiển thị diện tích hình chữ nhật.
 B. Nhập chiều dài.
 C. Tính diện tích hình chữ nhật.
 D. Nhập chiều rộng hình chữ nhật.



Hình 2

Câu 27: Sơ đồ khối trong hình bên mô tả thuật toán nào ?

- A. Giải phương trình bậc nhất.
- B. So sánh hai số x, y
- C. Tính tổng hai số x, y
- D. Tính tích hai số x, y



Câu 28: Trong ngôn ngữ lập trình Scratch để chạy chương trình và xem kết quả ta chọn nút nào ?

- A.
- B.
- C.
- D.

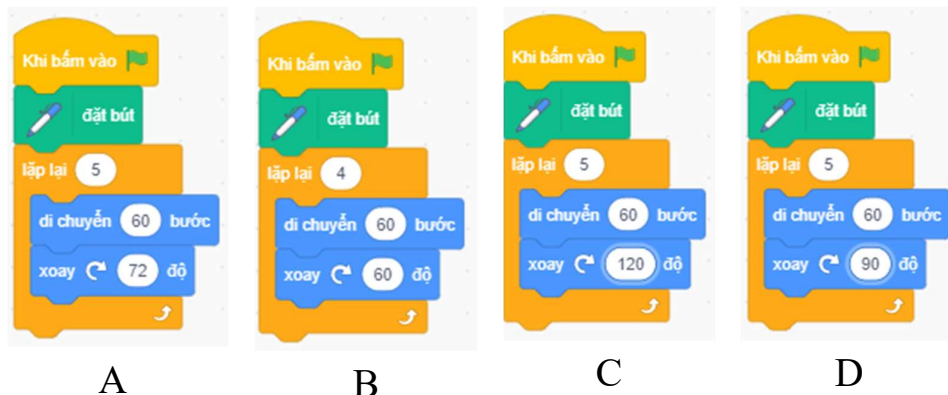
Câu 29. Câu lệnh **có ý nghĩa:**

- A. gán cho *số bí mật* một giá trị ngẫu nhiên trong khoảng từ 1 đến 100
- B. hỏi và nhận giá trị từ bàn phím, lưu vào biến *trả lời*
- C. hiển thị *số bí mật* trong 2 giây
- D. Hiển thị *trả lời* trong 2 giây.

Câu 30: Để di chuyển theo một ngũ giác đều, nhân vật cần?

- A. Di chuyển về phía trước một số bước bằng độ dài cạnh hình ngũ giác đều. Ví dụ, di chuyển 60 bước
- B. Quay trái 72 độ
- C. Cả hai đáp án trên
- D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 31: Chương trình Scratch nào sau đây thực hiện thuật toán “Điều khiển nhân vật đi theo hình ngũ giác đều có cạnh bằng 60 bước”



A

B

C

D

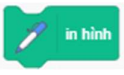
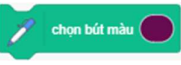
Câu 32: Em hãy chọn số vòng lặp điền vào ? để hoàn thành chương trình điều khiển nhân vật đi theo hình tam giác.

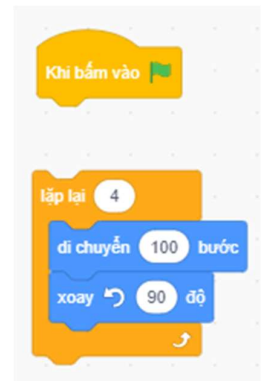
- A. 5
- B. 2
- C. 3
- D. 4



Hình 3

Câu 33: Chọn lệnh thêm vào chỗ trống trong hình 4 để được chương trình điều khiển nhân vật vừa di chuyển, vừa vẽ hình vuông.

- A.  nhắc bút
- B.  in hình
- C.  chọn bút màu
- D.  đặt bút



Hình 4

Câu 34: Lệnh  thuộc nhóm lệnh nào trong Scratch:

- A.  Hiển thị
- B.  Sự kiện
- C.  Điều khiển
- D.  Chuyển động

Câu 35: Lệnh  thuộc nhóm lệnh nào trong Scratch:

- A.  Hiển thị
- B.  Sự kiện
- C.  Điều khiển
- D.  Chuyển động

Câu 36: Để chọn và kéo thả lệnh  vào chương trình, em vào nhóm lệnh nào sau đây?

- A.  Hiển thị
- B.  Sự kiện
- C.  Điều khiển
- D.  Chuyển động

Câu 37: Lệnh  thuộc nhóm lệnh nào trong Scratch:

- A.  Hiển thị
- B.  Sự kiện
- C.  Điều khiển
- D.  Chuyển động

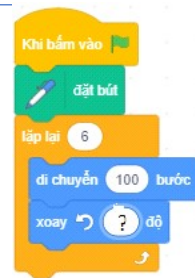
Câu 38: Em hãy điền vào ? trong hình 5 để hoàn thành chương trình điều khiển nhân vật vẽ hình lục giác .

A. 60

B. 45

C. 90

D. 120



Hình 5

Câu 39: Tập hợp giá trị của kiểu dữ liệu số trong ngôn ngữ lập trình Scratch là:

A. Số tự nhiên.

B. Số nguyên và số thập phân.

C. Số nguyên.

D. Số thập phân.

Câu 40: Tập hợp giá trị của kiểu dữ liệu logic gồm mấy giá trị ?

A. Hai giá trị.

B. Ba giá trị.

C. Bốn giá trị.

D. Năm giá trị.

Câu 41: Hằng là:

A. giá trị có thể thay đổi trong quá trình thực hiện chương trình.

B. sự kết hợp của biến, dấu ngoặc kép, phép toán và các hàm để trả lại giá trị thuộc một kiểu dữ liệu nhất định.

C. giá trị không đổi trong quá trình thực hiện chương trình. Mỗi hằng thuộc một kiểu dữ liệu nhất định.

D. một kiểu dữ liệu trong ngôn ngữ lập trình Scratch.

Câu 42: Kết quả của phép toán  thuộc kiểu dữ liệu gì?

A. Kiểu số.

B. Kiểu chuỗi ký tự.

C. Kiểu logic.

Câu 43: Ngôn ngữ lập trình Scratch có mấy kiểu dữ liệu ?

A. 5

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 44: Trong ngôn ngữ lập trình Scratch có mấy khối lệnh lặp ?

A. Một khối lệnh lặp.

B. Hai khối lệnh lặp.

C. Ba khối lệnh lặp.

D. Bốn khối lệnh lặp.

Câu 45: Kết quả của phép toán  thuộc kiểu dữ liệu gì ?

A. Kiểu logic.

B. Kiểu chuỗi ký tự.

C. Kiểu số

Câu 46: Cấu trúc rẽ nhánh có mấy dạng ?

A. Hai dạng.

B. Ba dạng.

C. Bốn dạng.

D. Năm dạng.

Câu 47: Quan sát Hình 4 và cho biết vòng lặp trong chương trình lặp lại các khối lệnh bên trong bao nhiêu lần?

- A. 1 lần
- B. 2 lần
- C. 5 lần
- D. 7 lần



Hình 4

Câu 48: Hình bên thể hiện khối lệnh lặp nào trong Scratch?

- A. Khối lệnh lặp với số lần định trước.
- B. Khối lệnh lặp vô hạn.
- C. Khối lệnh lặp có điều kiện kết thúc.
- D. Khối lệnh lặp ngẫu nhiên.



Hình 5

Câu 49: Hình bên thể hiện khối lệnh nào trong Scratch?

- A. Khối lệnh rẽ nhánh khuyết.
- B. Khối lệnh rẽ nhánh đầy đủ.
- C. Khối lệnh lặp có điều kiện kết thúc.
- D. Khối lệnh lặp ngẫu nhiên.



Câu 50: Em hãy chọn số góc xoay tương ứng điền vào ? để hoàn thành chương trình điều khiển nhân vật đi theo hình tam giác.

- A. 60
- B. 90
- C. 120
- D. 150

